

DANH SÁCH 1.059 HỘ GIA ĐÌNH CỦA TỔ 03
ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND phường)

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
1.	Bạch Ngọc Khải	
2.	Bùi Hữu Chí Long	
3.	Nguyễn Thị Thu Vinh	
4.	Bùi Ngọc Quý	
5.	Bùi Tá Vũ	
6.	Bùi Tấn Soại	
7.	Bùi Thị Quyên	
8.	Bùi Văn Lâm	
9.	Bùi Ngọc Minh Châu	
10.	Cao Anh Vũ	
11.	Cao Đăng Tuấn © Nguyễn Thị Tiền	
12.	Cao Thanh Long	
13.	Cao Thanh Thành	
14.	Cao Thế Đoan	
15.	Cao Thị Hoa	
16.	Dương Đình Thuyên	
17.	Dương Thị Thoa	
18.	Đào Ngọc Duy	
19.	Đào Thị Nhung	
20.	Đặng Năng	
21.	Đặng Nguyên Ngọc	
22.	Đặng Phú Quý	
23.	Đặng Quốc Khải	
24.	Đặng Thị Dung	
25.	Đặng Thị Lý	
26.	Đoàn Quảng	
27.	Đoàn Thanh Hoàng	
28.	Đoàn Thanh Long	
29.	Đoàn Thị Tuyết Nhung	
30.	Đỗ Hoàng Sa	
31.	Đỗ Quang Thuyền	
32.	Đỗ Quốc Hùng	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
33.	Đỗ Sa Trường	
34.	Đỗ Thành Nhân	
35.	Đỗ Thị Hồng Yến	
36.	Đỗ Thị Minh Hà	
37.	Đồng Trọng Dũng	
38.	Hà Thị Bích Liên	
39.	Hà Thị Sen	
40.	Hà Thị Tuấn	
41.	Hà Văn Thơm	
42.	Hà Văn Thuận	
43.	Hoàng Thị Hương	
44.	Hoàng Văn Minh	
45.	Hoàng Văn Tiến	
46.	Hồ Ngọc Bình	
47.	Hồ Quang Vịnh	
48.	Hồ Thị Thu	
49.	Huỳnh Được	
50.	Huỳnh Minh Tây	
51.	Huỳnh Minh ý	
52.	Huỳnh Ngọc Tuấn	
53.	Huỳnh Tấn Bảo	
54.	Huỳnh Thành Công	
55.	Huỳnh Thanh Tùng	
56.	Huỳnh Thị Hồng Cẩm	
57.	Huỳnh Thị Mỹ Linh	
58.	Huỳnh Thị Thanh Thúy	
59.	Huỳnh Thị Thủy Tiên	
60.	Huỳnh Trọng Thủy	
61.	Huỳnh Văn Trọng	
62.	Lâm Thị Chi	
63.	Lê Bá Nhựt	
64.	Lê Duy Triều	
65.	Lê Hòa Bình	
66.	Lê Hồ Ngọc Lâm	
67.	Lê Minh Thuận	
68.	Lê Minh Vũ	
69.	Lê Năm	
70.	Lê Nuôi	
71.	Lê Như Thiên	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
72.	Lê Quang Truyền	
73.	Lê Tá	
74.	Lê Tuấn Nhân	
75.	Lê Tuấn Thuận	
76.	Lê Thanh Cường	
77.	Lê Thanh Dũng	
78.	Lê Thanh Linh	
79.	Lê Văn Lượng	
80.	Lê Thanh Nga	
81.	Lê Thanh Tuấn	
82.	Lê Thị Anh Thảo	
83.	Lê Thị Bích Thủy	
84.	Lê Thị Biên	
85.	Lê Thị Cẩm Nhung	
86.	Lê Thị Đủ	
87.	Lê Thị Em	
88.	Lê Thị Hường	
89.	Lê Thị Liên	
90.	Lê Thị Mai	
91.	Lê Thị Năm	
92.	Lê Thị Quới	
93.	Lê Thị Tuyết	
94.	Lê Thị Thanh Thùy	
95.	Lê Thị Thơm	
96.	Lê Thị Thu Tuyên	
97.	Lê Trai	
98.	Lê Trọng Thuật	
99.	Lê Văn Danh	
100.	Lê Văn Do	
101.	Lê Văn Đức	
102.	Lê Văn Hùng	
103.	Lê Văn Kha	
104.	Lê Văn Long	
105.	Lê Văn Ninh	
106.	Lê Văn Phú	
107.	Lê Văn Phương	
108.	Lê Văn Tiên	
109.	Lê Văn Tỷ	
110.	Lê Văn Thìn	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
111.	Lê Văn Vinh	
112.	Lương Hữu Phục	
113.	Lưu Thị Thảo	
114.	Mai Lượm	
115.	Mai Thị Mỹ Linh	
116.	Nguyễn An	
117.	Nguyễn Anh Tấn	
118.	Nguyễn Anh Tuấn	
119.	Nguyễn Bằng	
120.	Nguyễn Cao Sanh	
121.	Nguyễn Cường	
122.	Nguyễn Chánh C (Võ Thị Phương)	
123.	Nguyễn Thị Minh Duyên	
124.	Nguyễn Duy Hình	
125.	Nguyễn Đăng Hảo	
126.	Võ Thị Thắng	
127.	Nguyễn Đình Phong	
128.	Nguyễn Đức An	
129.	Nguyễn Đức Dưỡng	
130.	Nguyễn Đức Phần	
131.	Nguyễn Đức Phương	
132.	Nguyễn Hoàng	
133.	Nguyễn Hoàng Chí Công	
134.	Nguyễn Học Khiêm	
135.	Nguyễn Hồng	
136.	Nguyễn Hồng Thương	
137.	Nguyễn Huy Trung	
138.	Nguyễn Hưng	
139.	Nguyễn Hữu Huệ	
140.	Nguyễn Hữu Phúc	
141.	Nguyễn Hữu Thắng	
142.	Nguyễn Kỳ	
143.	Nguyễn Ngọc Anh (A)	
144.	Nguyễn Ngọc Sang	
145.	Nguyễn Ngọc Trung	
146.	Nguyễn Phương Hà	
147.	Nguyễn Quang Ánh	
148.	Nguyễn Sỹ Đồng	
149.	Nguyễn Tấn Bắc	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
150.	Nguyễn Tấn Thiên	
151.	Nguyễn Tấn Trọng	
152.	Nguyễn Tấn Vinh	
153.	Nguyễn Tấn Vũ	
154.	Nguyễn Tuấn (A)	
155.	Nguyễn Tuấn (B)	
156.	Nguyễn Tường	
157.	Nguyễn Thành Duy	
158.	Nguyễn Thanh Sơn	
159.	Nguyễn Thanh Thảo (A)	
160.	Nguyễn Thanh Thảo (B)	
161.	Nguyễn Thanh Thúy	
162.	Nguyễn Thị Ánh Hồng	
163.	Nguyễn Thị Anh Tuyền	
164.	Nguyễn Thị Bích Tuyền	
165.	Nguyễn Thị Bích Thảo	
166.	Nguyễn Thị Duy Nam	
167.	Võ Thành Chương A	
168.	Nguyễn Thị Hòa	
169.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
170.	Nguyễn Thị Hồng Hảo	
171.	Nguyễn Thị Hồng Thanh	
172.	Nguyễn Thị Huệ (B)	
173.	Nguyễn Thị Kim Phi	
174.	Nguyễn Thị Khôi	
175.	Nguyễn Thị Lang (B)	
176.	Nguyễn Thị Minh Hương	
177.	Nguyễn Thị Minh Tuyết	
178.	Nguyễn Thị Mộng Sương	
179.	Nguyễn Thị Ngân	
180.	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	
181.	Nguyễn Thị Phụng	
182.	Nguyễn Thị Tố Vân	
183.	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	
184.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	
185.	Nguyễn Thị Thảo	
186.	Nguyễn Thị Thu Hường (B)	
187.	Nguyễn Thị Thúy Huệ	
188.	Nguyễn Thị Trơ	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
189.	Nguyễn Thị Vân (A)	
190.	Nguyễn Thị Vân (B)	
191.	Nguyễn Thượng Trung	
192.	Nguyễn Trọng Ân	
193.	Nguyễn Trung Kiên	
194.	Nguyễn Văn Cu	
195.	Nguyễn Văn Hải	
196.	Nguyễn Văn Học	
197.	Nguyễn Văn Mỹ	
198.	Nguyễn Văn Nở	
199.	Nguyễn Văn Sơn	
200.	Nguyễn Văn Tuấn	
201.	Nguyễn Văn Tuyên	
202.	Nguyễn Văn Tư	
203.	Nguyễn Văn Trường	
204.	Nguyễn Viết Tuệ	
205.	Nguyễn Vĩnh Hải	
206.	Nguyễn Xuân Thủy	
207.	Phạm Duy Tùng	
208.	Phạm Hồng Nam	
209.	Phạm Lợi	
210.	Phạm Ngọc Vũ Đỗ	
211.	Phạm Nhân Tạo	
212.	Phạm Thanh Đình	
213.	Phạm Thanh Sơn	
214.	Phạm Thanh Tâm	
215.	Phạm Thị Bích Lệ	
216.	Nguyễn Thị Bích	
217.	Phạm Thị Kim Cúc	
218.	Phạm Thị Minh Lý	
219.	Phạm Thị Thanh	
220.	Phạm Thị Thu Hồng	
221.	Phạm Trí Ván	
222.	Phạm Văn Khanh	
223.	Phạm Văn Đông (A)	
224.	Phạm Văn Nam	
225.	Phạm Văn Nhân	
226.	Phạm Văn Thuận	
227.	Phạm Việt Trung	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
228.	Phan Đình Tài	
229.	Phan Ngọc Phúc	
230.	Phan Thanh Lanh	
231.	Phan Thanh Vinh	
232.	Phan Thị Tịch	
233.	Phan Thị Thùy Hương	
234.	Phan Thị Vũ	
235.	Phan Văn Hậu	
236.	Phan Văn Công	
237.	Phan Văn Hoàn	
238.	Phan Văn Ổn	
239.	Phùng Thị Huỳnh Tuyết	
240.	Tạ Anh Dũng	
241.	Tạ Châu	
242.	Tạ Chở	
243.	Tạ Được	
244.	Tạ Gượng © Thượng Thị Trí	
245.	Tạ Lượng	
246.	Tạ Ngọc Danh	
247.	Tạ Ngọc Lai	
248.	Tạ Ngọc Lâm	
249.	Tạ Ngọc Luân (B)	
250.	Tạ Quang Huy	
251.	Tạ Thị Lệ Mỹ	
252.	Tạ Thị Liêm	
253.	Tạ Thị Nữ	
254.	Tạ Thị Ngọc Vân	
255.	Tạ Thị Phương Thảo	
256.	Tạ Thị Sanh	
257.	Tạ Thị Sự	
258.	Tạ Thị Tổ	
259.	Tạ Văn Nhuận	
260.	Tôn Thất Bảo	
261.	Tổng Ngọc Thạch	
262.	Thới Nam Huy (Nguyễn Thị Hồng Hảo)	
263.	Trần Duyệt	
264.	Trần Đình Danh	
265.	Trần Đình Việt	
266.	Trần Đức An	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
267.	Trần Hải	
268.	Trần Hồ Quý Dương	
269.	Trần Hồng Thành	
270.	Trần Kim Môn	
271.	Trần Kim Trọng	
272.	Trần Ngọc Tịnh	
273.	Trần Ngọc Thiện	
274.	Trần Thạnh	
275.	Trần Thế Hùng	
276.	Trần Thị Kim Bông	
277.	Trần Thị Mỹ Hạnh	
278.	Trần Thị Thanh Hào	
279.	Trần Thị Thanh Trà	
280.	Trần Văn Ba	
281.	Trần Văn Tượng	
282.	Trương Đình Thanh	
283.	Trương Hoài Nguyên	
284.	Trương Ngọc Chiến	
285.	Trương Quang Sơn	
286.	Trương Thị Dung	
287.	Trương Thị Hồng Thắm	
288.	Trương Thị Ngà	
289.	Trương Văn Hòa	
290.	Võ Bá	
291.	Võ Bê	
292.	Võ Chiến Công	
293.	Võ Dương Kha	
294.	Võ Dương Song	
295.	Võ Dương Thị Thao	
296.	Võ Đức Duy	
297.	Võ Nho	
298.	Võ Quan Minh	
299.	Võ Quang Thương	
300.	Võ Tuấn Vũ	
301.	Võ Thành	
302.	Võ Thành Ân	
303.	Võ Thành Bút	
304.	Võ Thành Cẩn	
305.	Võ Thành Cư	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
306.	Võ Thành Định	
307.	Võ Thành Hưng	
308.	Võ Thành Kiên	
309.	Võ Thành Mỹ	
310.	Võ Thành Nghi	
311.	Võ Thành Ngọc	
312.	Võ Thành Nhân	
313.	Võ Thành Nhi	
314.	Nguyễn Thị Nói	
315.	Võ Thành Tài	
316.	Võ Thành Tín	
317.	Võ Thành Toàn	
318.	Võ Thành Tổng	
319.	Võ Thành Thơm	
320.	Võ Thành Thương	
321.	Võ Thành Xê	
322.	Võ Thị Anh (A)	
323.	Võ Thị Giang	
324.	Võ Thị Hà	
325.	Võ Thị Hậu	
326.	Võ Thị Liễu	
327.	Võ Thị Luân	
328.	Võ Thị Năm	
329.	Võ Thị Ngọc Diệp	
330.	Võ Thị Ngọc Thanh	
331.	Võ Thị Ngũ Long Viên	
332.	Võ Thị Phương Thảo	
333.	Võ Thị Thảo A	
334.	Võ Thị Thảo B	
335.	Võ Thị Xuân Ngọc	
336.	Võ Thùy	
337.	Võ Trúc	
338.	Vũ Phạm Nhật Tân	
339.	Cao Tự Đạt	
340.	Hoàng Văn Quang	
341.	Kiều Thanh Tiến	
342.	Trần Thị Kim Mai	
343.	Trần Thị Thu	
344.	Lý Công Nam	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
345.	Đoàn Mạnh Hùng	
346.	Nguyễn Tấn Lân	
347.	Võ Thành Bình	
348.	Tạ Công Thủy	
349.	Võ Thành Trường	
350.	Nguyễn Văn Hà (Hoàn)	
351.	Trần Văn Phường	
352.	Võ Thành Hải (B)	
353.	Nguyễn Võ Thùy Phương	
354.	Đỗ Quốc Hùng	
355.	Trần Mạn Đại	
356.	Võ Tân Thi A	
357.	Võ Tân Thi B	
358.	Trương Quang Lâm	
359.	Lâm Đình Sang	
360.	Bùi Hữu Tiền	
361.	Võ Thị Thu Thúy	
362.	Nguyễn Hoàng Tuấn	
363.	Huỳnh Bích Hồng	
364.	Huỳnh A	
365.	Nguyễn Thị Tuyết	
366.	Nguyễn Quốc Đạt	
367.	Đỗ Thị Như Nguyên	
368.	Phạm Việt Hà	
369.	Đỗ Trường Sanh	
370.	Đoàn Thị Minh Thái	
371.	Nguyễn Thị Hồng Ánh	
372.	Tổng Phước Thiện	
373.	Nguyễn Thị Bằng	
374.	Nguyễn Thị Đẹp	
375.	Trần Bùi Bạch Phương	
376.	Bùi Phúc Vinh	
377.	Nguyễn Phú Quốc	
378.	Bùi Gia Bảo	
379.	Nguyễn Thanh Thảo	
380.	Trần Mạnh Cư	
381.	Nguyễn Đức Thắng	
382.	Trần Xuân Thương	
383.	Phạm Đức Phương	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
384.	Nguyễn Hữu Mỹ Duyên	
385.	Chu Minh Trí	
386.	Nguyễn Đức Tâm	
387.	Võ Trọng Nghĩa	
388.	Huỳnh Thị Việt	
389.	Võ Thị Phụng	
390.	Phạm Văn Công	
391.	Nguyễn Dũng Sĩ Nhân	
392.	Nguyễn Hoàng Ly	
393.	Lê Minh Hiền	
394.	Đặng Văn Minh	
395.	Phạm Minh Đức	
396.	Phạm Thị Hà	
397.	Trương Thị Việt Phương	
398.	Trần Quốc Bảo	
399.	Lê Khánh Duyên	
400.	Nguyễn Công Hoàng	
401.	Dương Ánh Hồng	
402.	Đặng Tuấn Hưng	
403.	Huỳnh Thị Hải Yến	
404.	Vương Thị Như Ánh	
405.	Huỳnh Phan Hải	
406.	Lê Hoàng Tuấn	
407.	Phan Thị Diễm Quyên	
408.	Nguyễn Chí Thanh	
409.	Nguyễn Hữu Hoàng	
410.	Huỳnh Thị Thúy Hằng	
411.	Nguyễn Văn Minh	
412.	Trần Thị Kim Phụng	
413.	Nguyễn Văn Viên	
414.	Nguyễn Thanh Hà	
415.	Võ Duy Phong	
416.	Võ Quốc Danh	
417.	Võ Trần Vĩnh Bảo	
418.	Lê Thị Phương Kiều	
419.	Dương Hồng Trọng Ân	
420.	Nguyễn Tường	
421.	Lưu Ngọc Ân	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
422.	Lê Trọng Hiếu	
423.	Mai Hoài Bảo	
424.	Đỗ Quang Bản	
425.	Nguyễn Bảo Tuân	
426.	Nguyễn Văn Sơn B	
427.	Lê Văn Thanh B	
428.	Lê Thanh Tùng	
429.	Lê Văn Tư	
430.	Phạm Tiến Duẩn	
431.	Lê Thị Thanh Thùy	
432.	Nguyễn Phúc Đức	
433.	Phan Ngọc Tín	
434.	Võ Thành Thận	
435.	Phạm Ngọc Tịnh	
436.	Phạm Ngọc Tấn	
437.	Nguyễn Duy	
438.	Phan Thị Hoanh	
439.	Nguyễn Minh Long	
440.	Trần Hoàng Duy	
441.	Huỳnh Tường	
442.	Nguyễn Thị Hồng Ánh	
443.	Phan Thanh Tùng	
444.	Lê Thị Mỹ Loan	
445.	Huỳnh Minh Giảng	
446.	Lê Đăng Triều	
447.	Trần Quốc Xử	
448.	Nguyễn Công Phương	
449.	Nguyễn Văn Nam	
450.	Tạ Ngọc Cưu	
451.	Võ Quang Tiến	
452.	Võ Cao Nhân	
453.	Nguyễn Văn Thêm	
454.	Nguyễn Ngọc Tính	
455.	Nguyễn Toàn	
456.	Nguyễn Ninh	
457.	Nguyễn Anh Kiệt	
458.	Lê Tới	
459.	Võ Trình	
460.	Phạm Văn Côi	
461.	Võ Thị Anh (B)	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
462.	Phạm Ngọt	
463.	Lê Thị Diệu	
464.	Tạ Ngọc Thuyền	
465.	Nguyễn Văn Minh A	
466.	Võ Thị Cẩm Giang	
467.	Phan Kỳ	
468.	Bùi Minh Hải	
469.	Bùi Thị Duệ	
470.	Bùi Thị Thanh Thúy	
471.	Bùi Thị Thu Vân	
472.	Bùi Văn Thanh	
473.	Cao Thanh Hải	
474.	Cao Thanh Hùng	
475.	Cao Thị Thanh Thảo	
476.	Chế Lào	
477.	Đào Thanh Vân	
478.	Đào Thị Hòa	
479.	Đoàn Thị Thanh	
480.	Đồng Thị Hồng	
481.	Nguyễn Văn Toàn	
482.	Hà Ngọc Vinh	
483.	Hà Thị Thu Thủy	
484.	Hà Văn Trâm	
485.	Hoàng Văn Quang	
486.	Hồ Tấn Nga	
487.	Hồ Thị Như Phước	
488.	Hồ Văn Huy	
489.	Hồ Văn Trung	
490.	Nguyễn Mạnh Tấn	
491.	Huỳnh Chi	
492.	Huỳnh Phương	
493.	Huỳnh Thị Hà	
494.	Huỳnh Thị Lệ	
495.	Huỳnh Thị Lệ Nga	
496.	Huỳnh Thị Trang	
497.	Huỳnh Trung Hiếu	
498.	Huỳnh Văn Dũng	
499.	Kiều Thanh Tiến	
500.	Kiều Vĩnh Thọ	
501.	Lê Đức Tín	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
502.	Lê Hồng Sơn	
503.	Lê Ngọc Trai	
504.	Lê Tạ Văn Thơ	
505.	Lê Tôn Dũng	
506.	Lê Thanh Sang	
507.	Lê Thị Có	
508.	Lê Thị Cúc	
509.	Nguyễn Thị Hạnh Soan	
510.	Lê Thị Hồng (B)	
511.	Lê Thị Hồng Nhi	
512.	Lê Thị Lệ	
513.	Lê Thị Ni	
514.	Lê Thị Tư	
515.	Lê Thị Tường Vi	
516.	Lê Thị Thông	
517.	Lê Thị Trúc	
518.	Lê Văn Cư	
519.	Lê Văn Sơ	
520.	Lê Văn Thế	
521.	Lê Văn Thọ	
522.	Lê Văn Vân	
523.	Lương Thị Diễm Hương	
524.	Lưu Trương Kim Tuyên	
525.	Lưu Văn Dũng	
526.	Mai Văn Thanh	
527.	Ngô Thị Sáu	
528.	Nguyễn Đình Phúc	
529.	Nguyễn Hồng Công	
530.	Nguyễn Hồng Dương	
531.	Võ Thị Kim Chi	
532.	Nguyễn Hữu Tuấn	
533.	Nguyễn Hữu Tùng	
534.	Nguyễn Hữu Vinh	
535.	Nguyễn Lý Không Hòa	
536.	Nguyễn Mậu Duy	
537.	Nguyễn Minh Diễm	
538.	Nguyễn Minh Sơn	
539.	Nguyễn Ngọc Minh	
540.	Nguyễn Quang Trung	
541.	Nguyễn Quang Vũ	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
542.	Nguyễn Quốc Hùng	
543.	Nguyễn Quốc Huy	
544.	Nguyễn Tấn Đức	
545.	Nguyễn Tấn Hy	
546.	Nguyễn Tấn Tiến	
547.	Nguyễn Thanh Duy	
548.	Nguyễn Thanh Liêm	
549.	Nguyễn Thành Long (B)	
550.	Nguyễn Thanh Quang	
551.	Nguyễn Thị An Vi	
552.	Nguyễn Thị Em	
553.	Nguyễn Thị Ênh	
554.	Nguyễn Thị Hà	
555.	Nguyễn Thị Hiền	
556.	Nguyễn Thị Hữu Mỹ	
557.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	
558.	Nguyễn Thị Nga	
559.	Nguyễn Thị Nghĩa	
560.	Nguyễn Thị Ngọc	
561.	Nguyễn Thị Nguyệt	
562.	Nguyễn Thị Nhon	
563.	Nguyễn Thị Như Nguyễn	
564.	Nguyễn Thị Phương Anh	
565.	Nguyễn Thị Sương	
566.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
567.	Nguyễn Thị Thảo (B)	
568.	Nguyễn Thị Thu Hòa	
569.	Nguyễn Thị Thu Hoài (Võ Thành An) chết	
570.	Nguyễn Thị vàng	
571.	Nguyễn Thị Xí	
572.	Nguyễn Thị Thúy Phượng	
573.	Nguyễn Trung Hiếu	
574.	Nguyễn Văn Ba	
575.	Nguyễn Văn Khanh	
576.	Nguyễn Văn Lượng (c) Lê Thị Ánh Hồng	
577.	Nguyễn Văn Minh	
578.	Nguyễn Văn Phụng	
579.	Nguyễn Văn Thiện	
580.	Nguyễn Văn Xuân	
581.	Nguyễn Vũ Phương Long	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
582.	Nguyễn Xuân Sơn	
583.	Phạm Duy Mạnh	
584.	Phạm Minh Cải	
585.	Phạm Thị Hậu	
586.	Phạm Thị Thùy	
587.	Phạm Văn Đông (B)	
588.	Phạm Văn Nhân	
589.	Phan Anh Tuấn	
590.	Phan Phú	
591.	Phan Quý	
592.	Võ Thị Lưu	
593.	Phan Tấn Nở	
594.	Mai Thị Vân	
595.	Phan Thị Bích Thu	
596.	Phan Thị Chính	
597.	Phan Thị Diễm Quyên	
598.	Phan Thị Hoa	
599.	Phan Thị Huệ	
600.	Phan Thị Kim Oanh	
601.	Phan Văn Đài	
602.	Phan Văn Lân	
603.	Phan Văn Thể	
604.	Phù Trung Long	
605.	Tạ Công Tường	
606.	Tạ Chấn	
607.	Tạ Cho	
608.	Tạ Ngà	
609.	Tạ Ngọc Luân (A)	
610.	Tạ Ngọc Luật	
611.	Tạ Quang Huy	
612.	Tạ Tấn Quang	
613.	Tạ Thị Bông	
614.	Tạ Thị Kiên	
615.	Tạ Thị Trâm	
616.	Tạ Văn Tuấn	
617.	Tạ Việt	
618.	Trần Công	
619.	Trần Đình Dũng	
620.	Trần Kim Thảo	
621.	Trần Minh Hoàng	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
622.	Trần Như Linh	
623.	Trần Quang Khánh	
624.	Trần Thị Hồng	
625.	Trần Thị Minh Thi	
626.	Trần Thị Phụng	
627.	Trần Văn Minh	
628.	Trịnh Công Nhân	
629.	Trương Ngọc Trường	
630.	Võ Cao Lâm	
631.	Võ Cự	
632.	Võ Thành Sinh	
633.	Võ Tôn	
634.	Võ Tường	
635.	Võ Thành Công (A)	
636.	Võ Thành Đạt	
637.	Võ Thành Đoàn (B)	
638.	Võ Thành Hải (A)	
639.	Võ Thành Hồ	
640.	Võ Thành Lắm	
641.	Võ Thành Lý	
642.	Võ Thành Mân	
643.	Võ Thành Nam	
644.	Võ Thành Phiên	
645.	Võ Thành Sơn	
646.	Võ Thành Sỹ	
647.	Võ Thành Thuận	
648.	Võ Thành Thương	
649.	Võ Thị Điền	
650.	Võ Thị Kim Cương © Võ Duy Thảo	
651.	Võ Thị Ngọc	
652.	Võ Thị Phương	
653.	Võ Thị Thùy Huyền	
654.	Võ Xuân	
655.	Vũ Văn Minh	
656.	Nguyễn Văn Sáng	
657.	Nguyễn Ngọc Sơn	
658.	Bùi Gia Bảo	
659.	Nguyễn Đức Thắng	
660.	Trần Mạnh Quế	
661.	Nguyễn Ngọc Tính	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
662.	Thới Thành Huy	
663.	Lê Thị Quý Nga	
664.	Võ Duy Triều	
665.	Nguyễn Thị Hồng Hảo	
666.	Nguyễn Thanh Thảo	
667.	Võ Thị Thu Sương	
668.	Huỳnh Thị Mỹ Linh	
669.	Lê Minh Vũ	
670.	Nguyễn Việt Hùng	
671.	Phạm Duy Tùng	
672.	Lê Văn Có	
673.	Nguyễn Thị Lan Anh	
674.	Nguyễn Thị Hoàng Linh	
675.	Lê Thị Linh Thùy	
676.	Nguyễn Phương Hà	
677.	Trương Văn Hoàng	
678.	Lê Hữu Việt	
679.	Võ Tấn Thanh	
680.	Đỗ Hữu Tảo	
681.	Phan Xuân Quỳnh	
682.	Lê Thị Phương	
683.	Lã Hiếu	
684.	Phan Duy Sanh	
685.	Nguyễn Sang	
686.	Lê Văn Tuấn	
687.	Nguyễn Thị Loan	
688.	Phan Quang Đoan	
689.	Trần Quốc Bảo	
690.	Huỳnh Tường	
691.	Nguyễn Trung Kiên	
692.	Hoàng Quang Ngọc	
693.	Đặng Nguyên Ngọc	
694.	Dương Tùng Lâm	
695.	Lê Văn Học	
696.	Đặng Tuấn Hưng	
697.	Nguyễn Anh Huy	
698.	Nguyễn Huy	
699.	Bùi Thanh Nhật	
700.	Nguyễn Ngân	
701.	Trần Đông Hải	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
702.	Đinh Văn Hòa	
703.	Vương Thị Như Ánh	
704.	Trần Quốc Việt	
705.	Huỳnh Phan Hải	
706.	Nguyễn Công Hoàng	
707.	Huỳnh Thị Hà	
708.	Trần Hoàng Nhật	
709.	Nguyễn Thanh Hùng	
710.	Trần Kim Minh	
711.	Bạch Ngọc Vũ Huy	
712.	Lý Trọng Phát	
713.	Nguyễn Văn Lĩnh	
714.	Võ Thị Phụng	
715.	Phạm Đức Phương	
716.	Đoàn Quảng	
717.	Đinh Thị Ánh	
718.	Đào Thị Nhung	
719.	Bùi Võ Tá Hùng	
720.	Lê Thị Thanh Thùy	
721.	Phan Tiến Dũng	
722.	Võ Thành Tín	
723.	Nguyễn Thế Triệt	
724.	Huỳnh Văn Thắng	
725.	Bùi Hữu Tiến	
726.	Lưu Quang Thịnh	
727.	Phạm Văn Thái	
728.	Nguyễn Văn Sơn	
729.	Trần Thị Xuân Nhiên	
730.	Nguyễn Thị Kim Oanh	
731.	Bùi Toàn	
732.	Đào Hoàng Duy	
733.	Lương Ngọc Chi	
734.	Phạm Văn Chương	
735.	Nguyễn Ngọc Thuận	
736.	Trương Đình Tuyển	
737.	Phùng Anh Châu	
738.	Nguyễn Thượng Trung	
739.	Nguyễn Trung Hiếu	
740.	Phan Ngọc Tín	
741.	Nguyễn Thị Thanh	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
742.	Nguyễn Hồng Tấn	
743.	Tôn Thất Hanh	
744.	Trần Hà Linh	
745.	Phạm Thị Sương	
746.	Đặng Việt Yên	
747.	Đặng Vũ Phương	
748.	Đoàn Khắc Chính	
749.	Đỗ Ngọc Bá	
750.	Đỗ Xuân Hùng	
751.	Huỳnh Đạt	
752.	Huỳnh Ngà	
753.	Lê Hoài Tân	
754.	Lê Quang Yển	
755.	Lê Thị Minh Hương	
756.	Nguyễn Đăng Thương	
757.	Nguyễn Hữu Hòa	
758.	Nguyễn Hữu Sáu	
759.	Nguyễn Nền (Hồ Thị Tình)	
760.	Nguyễn Quyết Chiến	
761.	Nguyễn Tấn Trung	
762.	Nguyễn Thái Sơn	
763.	Nguyễn Thành Long (A)	
764.	Nguyễn Thành Trung	
765.	Nguyễn Thận	
766.	Nguyễn Thị Bích Hưng	
767.	Phạm Minh Chuyên	
768.	Tạ Thế	
769.	Tạ Văn Đông	
770.	Tạ Văn Tú	
771.	Tổng Thị Thu Hiền	
772.	Trần Thị Phương Thảo	
773.	Trương Văn Chính	
774.	Võ Thị Dung	
775.	Bùi Lê Thảo	
776.	Bùi Ngọc Diệp	
777.	Bùi Ngọc Sơn	
778.	Bùi Văn Nhi	
779.	Cao Văn Hân	
780.	Cao Văn Huy	
781.	Đình Văn Nam	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
782.	Đoàn Thanh Hoàng	
783.	Đỗ Quang Thuyền	
784.	Đỗ Thị Ry	
785.	Đỗ Văn Xuân	
786.	Hồ Thị Hòa	
787.	Hồ Thị Mỹ Linh	
788.	Huỳnh Ánh Sáng	
789.	Huỳnh Cảnh	
790.	Huỳnh Cầu	
791.	Huỳnh Dũng	
792.	Huỳnh Ngọc Liên	
793.	Huỳnh Ngọc Lý	
794.	Huỳnh Ngọc Quyền	
795.	Huỳnh Thị Kim Hoa	
796.	Huỳnh Thị Xuân Hương (A)	
797.	Huỳnh Văn Minh	
798.	Huỳnh Vân	
799.	Lâm Xuân Kiều	
800.	Lê Đê	
801.	Lê Hồ	
802.	Lê Lộc	
803.	Lê Lựu	
804.	Lê Minh Quý	
805.	Lê Tấn Đệ	
806.	Lê Tấn Định	
807.	Lê Tấn Đoàn	
808.	Lê Tiến	
809.	Lê Thị Dư	
810.	Lê Thị Hồng (A)	
811.	Lê Thị Lan	
812.	Lê Thị Mai	
813.	Lê Thị Nguyệt	
814.	Lê Thị Ty	
815.	Lê Thị Thanh	
816.	Lê Thị Thanh Hương	
817.	Lê Văn Danh	
818.	Lê Văn Hằng	
819.	Lê Văn Thanh	
820.	Lê Văn Thành	
821.	Lê Văn Trung	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
822.	Lê Xuân Hương © Nguyễn Thị Thủy	
823.	Lê Xuân Quang	
824.	Lữ Ngọc Út	
825.	Lữ Thị Như Nguyễn	
826.	Lư Văn Tuấn	
827.	Mai Văn Tiến	
828.	Ngô Cư	
829.	Ngô Duy Nam	
830.	Nguyễn Công Hanh	
831.	Nguyễn Duy Nhơn	
832.	Nguyễn Đắc Thị Xuân Mai	
833.	Nguyễn Đình Vinh	
834.	Nguyễn Hùng	
835.	Nguyễn Hữu Đức	
836.	Nguyễn Phúc Thắm	
837.	Nguyễn Quang Toàn	
838.	Nguyễn Quốc Tuấn	
839.	Nguyễn Tâm	
840.	Nguyễn Tấn Cang	
841.	Nguyễn Tấn Phúc	
842.	Nguyễn Tuấn Vũ	
843.	Nguyễn Thái Hà	
844.	Nguyễn Thanh Phong	
845.	Nguyễn Thanh Thúy	
846.	Nguyễn Thị Ai Nữ	
847.	Nguyễn Thị Cửu	
848.	Nguyễn Thị Hảo	
849.	Nguyễn Thị Huệ (A)	
850.	Nguyễn Thị Khởi	
851.	Nguyễn Thị Lộc	
852.	Nguyễn Thị Minh Loan	
853.	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	
854.	Nguyễn Thị Quới	
855.	Nguyễn Thị Vỹ Cúc	
856.	Nguyễn Văn Đức	
857.	Nguyễn Văn Hùng	
858.	Nguyễn Văn Huy	
859.	Nguyễn Văn Lâm	
860.	Nguyễn Văn Thọ	
861.	Phạm Chính	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
862.	Phạm Đình Sỹ	
863.	Phạm Minh Chương	
864.	Phạm Thị Xuân	
865.	Nguyễn Thị Minh Lan	
866.	Phan Cảnh	
867.	Phan Hoài	
868.	Phan Ký	
869.	Phan Như Công	
870.	Phan Tấn Đức	
871.	Phan Thị Dũng	
872.	Phan Thị Hiền	
873.	Phan Thị Kim Cúc	
874.	Phan Văn Giàu © Trương Thị Thu Liễu	
875.	Phan Văn Mãi	
876.	Phan Vinh Sang	
877.	Quảng Tiến	
878.	Tạ Công Thành	
879.	Tạ Công Ngoạn	
880.	Tạ Đình Thương	
881.	Tạ Ngọc Hải	
882.	Tạ Ngọc Nhớ	
883.	Tạ Ngọc Thêm	
884.	Tạ Tăng	
885.	Tạ Thị Chót	
886.	Tạ Thị Lành	
887.	Tạ Văn	
888.	Tạ Văn Long © Phạm Thị Yến	
889.	Tạ Văn Thanh	
890.	Tô Văn Minh	
891.	Tôn Nữ Lam Yên	
892.	Thượng Thị Phi	
893.	Trần Đại Nghĩa	
894.	Trần Hoàng Anh	
895.	Trần Quang Lục	
896.	Trần Thị Có	
897.	Võ Thành Chương A	
898.	Trần Thị Tuyết Mân	
899.	Trần Văn Hùng	
900.	Trần Văn Thanh	
901.	Trần Vũ Khiêm	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
902.	Trần Xuân Vinh	
903.	Trương Thanh Hòa	
904.	Võ Bá	
905.	Võ Bền	
906.	Võ Đoan	
907.	Võ Gân	
908.	Võ Minh Trí	
909.	Võ Quan Thương	
910.	Võ Tấn Lực	
911.	Võ Thành Công (B)	
912.	Võ Thành Chương	
913.	Võ Thành Danh	
914.	Võ Thành Diệp	
915.	Võ Thành Hân	
916.	Võ Thanh Hồng	
917.	Võ Thành Lái	
918.	Võ Thành Nhì	
919.	Võ Thành Quảng (B)	
920.	Võ Thành Rân	
921.	Võ Thành Tâm	
922.	Võ Thành Tấn	
923.	Võ Thành Tề	
924.	Võ Thành Tính	
925.	Võ Thành Tuyên	
926.	Võ Thành Thân	
927.	Võ Thành Thuyền	
928.	Võ Thành Thức	
929.	Võ Thành Truyền	
930.	Võ Thành Vân	
931.	Võ Thị Ánh Tuyết	
932.	Võ Thị Đề	
933.	Võ Thị Lan	
934.	Võ Thị Liên	
935.	Võ Thị Liễu	
936.	Võ Thị Lý	
937.	Võ Thị Sơn	
938.	Võ Thị Thanh Thủy	
939.	Võ Thị Thắm	
940.	Võ Thị Vân	
941.	Vũ Thị Thanh Hương	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
942.	Vương Văn Diệu	
943.	Võ Duy Tuấn	
944.	Lê Văn Tuấn	
945.	Võ Thanh	
946.	Trương Công Thao	
947.	Lê Thị Thu Thảo	
948.	Vũ Thị Bích Vân	
949.	Lê Thị Thiện	
950.	Lê Quang Hiệp	
951.	Trương Thế Quảng	
952.	Trần Thị Đào	
953.	Đặng Văn Sinh	
954.	Võ Thị Kim Chi	
955.	Thành Thị Diệu Thảo	
956.	Nguyễn Tường	
957.	Nguyễn Hồng Thương	
958.	Tạ Tấn Phát	
959.	Nguyễn Vũ Hà Viên	
960.	Võ Thị Thu Phú	
961.	Đỗ Thị Thọ	
962.	Đỗ Quốc Việt	
963.	Nguyễn Quyên	
964.	Văn Quang Ân	
965.	Phan Như Trà	
966.	Bùi Hữu Tiến	
967.	Nguyễn Hữu Lộc	
968.	Huỳnh Thị Hòa	
969.	Hồ Thị Bích Ái	
970.	Nguyễn Thị Thùy Dương	
971.	Trần Thanh Luân	
972.	Lê Thị Thanh Thảo	
973.	Phan Văn Anh	
974.	Nguyễn Thị Hương	
975.	Phạm Ngọc Tịnh	
976.	Võ Văn Tứ	
977.	Lưu Văn Ân	
978.	Đinh Tấn Đức	
979.	Lê Thị Thu Trang	
980.	Phan Thị Hồng Nghĩa	
981.	Trương Quang Thuận	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
982.	Nguyễn Thị Thanh	
983.	Tạ Việt	
984.	Nguyễn Hữu Tuấn	
985.	Nguyễn Thị Sơn	
986.	Huỳnh Thị Thu Hiền	
987.	Nguyễn Văn Tường	
988.	Lê Quang Truyền	
989.	Đặng Minh Đạo	
990.	Nguyễn Hồng Tình	
991.	Lê Yên	
992.	Nguyễn Văn Hùng (B)	
993.	Bùi Phụ Thuật	
994.	Nguyễn Thị Hồng Hảo	
995.	Phạm Nhật Vinh	
996.	Nguyễn Tấn Châu	
997.	Nguyễn Văn Minh B	
998.	Nguyễn Ngân	
999.	Lê Thị Như Thái	
1000.	Võ Thị Kim Thoa	
1001.	Võ Thị Phương	
1002.	Phạm Hữu Hưng	
1003.	Từ Vũ Bảo	
1004.	Võ Thị Ngọc Thanh	
1005.	Trương Văn Hoàng	
1006.	Trần Thị Phương Thảo	
1007.	Đoàn Thị Dung	
1008.	Nguyễn Văn Linh	
1009.	Đỗ Thị Hồng Yến	
1010.	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	
1011.	Trần Nguyễn Hạnh Thuận	
1012.	Nguyễn Thị Lệ Huyền	
1013.	Trần Thị Xuân Nhiên	
1014.	Lê Minh Hiền	
1015.	Võ Thị Thanh Duyên	
1016.	Trần Thị Xuân Thuyền	
1017.	Trần Văn Luật	
1018.	Lê Thị Ngọc	
1019.	Trần Quốc Cường	
1020.	Đặng Minh Trung	
1021.	Nguyễn Thị Bằng	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
1022.	Trần Quang Lưu	
1023.	Nguyễn Minh Chí	
1024.	Lê Đức Niệm	
1025.	Nguyễn Thành Công	
1026.	Đặng Hữu Phước	
1027.	Nguyễn Đức Tiến	
1028.	Dương Hồng Phong	
1029.	Võ Thị Việt	
1030.	Cao Thị Thanh Thảo	
1031.	Nguyễn Thị Tụ	
1032.	Nguyễn Văn Trường	
1033.	Võ Thành Tống	
1034.	Nguyễn Anh Kiệt	
1035.	Trần Văn Hường	
1036.	Trần Văn Quang	
1037.	Nguyễn Bá Trường	
1038.	Tạ Châu	
1039.	Đinh Thị Diệu My	
1040.	Võ Thành Hải A	
1041.	Huỳnh Quốc Thịnh	
1042.	Huỳnh Văn Quang	
1043.	Tạ Ngọc Danh	
1044.	Võ Thành Lắm	
1045.	Nguyễn Đình Vinh	
1046.	Huỳnh Phương	
1047.	Nguyễn Hoàng	
1048.	Phạm Văn Khanh	
1049.	Nguyễn Tấn Thành	
1050.	Lê Văn Hùng	
1051.	Võ Dương Kha	
1052.	Trần Thạnh	
1053.	Phan Văn Ôn	
1054.	Nguyễn Văn Học	
1055.	Tạ Ngọc Nhân	
1056.	Lê Thị Quới	
1057.	Võ Thanh Hoàng	
1058.	Nguyễn Thanh Tú	
1059.	Hoàng Văn Tường	